

Số: /CT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh được thực hiện trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức là rất lớn; nhiều vấn đề chưa từng có tiền lệ, vượt ngoài khả năng dự báo, tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai; an ninh chính trị thế giới diễn biến phức tạp, khó lường; thương mại, đầu tư toàn cầu suy giảm, tăng trưởng chậm lại... Song, được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp, các ngành đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; cùng với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, nền kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực, có nhiều điểm sáng nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; kinh tế - xã hội trong nước phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức, điểm nghẽn chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để. Trong tỉnh, dư địa phát triển theo chiều rộng ngày càng hạn hẹp, chất lượng, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và sản phẩm còn thấp, chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực khoa học - công nghệ còn hạn chế là những yếu tố không thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, nhiệm vụ đặt ra để giải quyết các vấn đề trên trong giai đoạn 2026 - 2030 là rất nặng nề, đòi hỏi yêu cầu cấp thiết về một tầm nhìn mới, tư duy mới cùng những giải pháp đột phá, quyết tâm cao để tăng trưởng nhanh và bền vững hơn.

Để tiếp tục giữ vững và phát huy những kết quả đạt được, vượt qua khó khăn, thách thức, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới và thực hiện tốt Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của ngành, địa phương mình, với các nội dung sau:

I. NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU

1. Về đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn mình quản lý đảm bảo theo các nguyên tắc, yêu cầu sau:

1.1. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

1.2. Đánh giá đầy đủ, sát và thực chất, khách quan, trung thực, có so sánh với kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm: kết quả đạt được, đặc biệt là các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn 2021 - 2025, so sánh với các chỉ tiêu, mục tiêu tương tự giai đoạn 2016 - 2020; khó khăn, hạn chế, yếu kém; phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan để rút ra bài học kinh nghiệm.

2. Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

2.1. Bám sát các chủ trương, đường lối, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp; các chỉ đạo của Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo chủ chốt.

Định hướng phát triển phải đảm bảo tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11% trở lên, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và khai thác hiệu quả lợi thế của hội nhập quốc tế sâu rộng; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

2.2. Xây dựng Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030 trên cơ sở đánh giá toàn diện, chính xác kết quả thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025; có tầm nhìn, tư duy phát triển mới, đột phá để nắm bắt và tận dụng tốt các cơ hội, vượt qua thách thức cũng như khắc phục những hạn chế, yếu kém của giai đoạn 2021 - 2025.

2.3. Phù hợp với chiến lược, mục tiêu, phương hướng trong Quy hoạch tỉnh; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, góp phần thúc đẩy liên kết vùng, kết nối với các tỉnh lân cận; phù hợp với quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy, hệ thống chính trị. Cần tập trung khai thác, phát huy tối đa tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

2.4. Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030 phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tiễn và các Nghị quyết của Đại hội đảng các cấp và yêu cầu của Trung ương.

2.5. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải: (1) mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết liệt, khả thi, hiệu quả, phù hợp với khả năng thực hiện và cụ thể, mang tính hành động cho các ngành, các cấp, các địa phương với tinh thần: *“Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”*; (2) bảo đảm *“rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ thẩm quyền”* và lượng hóa được; (3) huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; (4) phát huy tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; (5) huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, mọi thành phần kinh tế, mọi doanh nghiệp, người dân vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

II. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030

1. Về đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

1.1. Nêu khái quát những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động đến hoàn thành các mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025.

1.2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết HĐND các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; trong đó, tập trung phân tích về tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế (đặc biệt là kết quả thực hiện Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Trung ương, các Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để bảo đảm tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8,3 - 8,5%) thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), thu chi ngân sách nhà nước, vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)...

Đánh giá việc ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nêu rõ kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế.

1.3. Kết quả thực hiện mục tiêu kép về phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

1.4. Đánh giá công tác hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tình hình thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị; xây dựng khung khổ pháp lý để triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về kinh tế tư nhân, hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giáo dục và đào tạo, y tế, an ninh năng lượng... Hoàn thiện các quy định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy Nhà nước, phân cấp, phân quyền.

1.5. Kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Trong đó tập trung đánh giá: cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ, nhất là phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh; phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp hiệu quả, xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành du lịch, thương mại điện tử...; đóng góp của kinh tế số vào tăng trưởng; đánh giá hiệu quả cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm (đầu tư công, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước); triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

1.6. Đánh giá tình hình huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực (kinh tế nhà nước, kinh tế ngoài nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài...); giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí; các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các dự án lớn, quan trọng, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia...; phát triển các loại thị trường.

1.7. Tiến độ triển khai và kết quả thực hiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, trong đó tập trung đánh giá: các dự án quan trọng, tuyến đường bộ ven biển; phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng nông thôn, đô thị...

1.8. Đánh giá công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, tập trung đánh giá:

- Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục như Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW.

- Phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

1.9. Kết quả triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, tỉnh, vùng và quốc gia; phát triển vùng, liên kết vùng (trong đó, đánh giá một số dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng); tình hình phát triển khu kinh tế, phát triển đô thị, đô thị thông minh, phát triển kinh tế biển; xây dựng cơ chế chính sách cho đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới; thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù tại tỉnh Thanh Hóa. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

1.10. Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường theo Chương trình nghị sự 2030. Kết quả xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách để hình thành, vận hành mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính...

1.11. Đánh giá công tác nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.12. Đánh giá tình hình đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

1.13. Đánh giá công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; đặc biệt là việc triển khai Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thu hút các nguồn lực để phát triển đất nước, góp phần củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

1.14. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân (khách quan, chủ quan) của các tồn tại, hạn chế và bài học kinh nghiệm.

2. Về dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

2.1. Bối cảnh xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030: Dự báo, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Mục tiêu tổng quát, mục tiêu của các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 phải phù hợp với mục tiêu đã được Đại hội Đảng các cấp thông qua và định hướng theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 12323/UBND-THĐT ngày 29/7/2025.

2.3. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

(1) Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Khẩn trương quán triệt, triển khai, ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các luật mới được sửa đổi, bổ sung, các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế chính sách của tỉnh theo hướng chuyển từ tư duy quản lý sang kiến tạo, phục vụ, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, dễ thực hiện, có tính đột phá, tháo gỡ điểm nghẽn, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững.

(2) Tập trung rà soát, trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn và các quy hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh; xây dựng quy hoạch các xã, phường để tạo không gian phát triển mới sau sắp xếp lại các đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

(3) Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu); đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, tạo bứt phá mạnh mẽ; tăng trưởng nhanh nhưng phải bền vững, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển. Triển khai các giải pháp đột phá, trọng tâm, có tính khả thi cao để đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đầu tư, giải phóng nguồn lực trong giai đoạn 2026 - 2030. Nghiên cứu xây dựng một số mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ để tổng kết rút kinh nghiệm, từng bước nhân ra diện rộng.

(4) Tăng cường xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp hiệu quả, xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, trong đó lấy Chương trình OCOP làm giải pháp trọng tâm để tạo ra sản phẩm đặc trưng và nâng cao thu nhập cho người dân. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình NTM thông minh, NTM kiểu mẫu, NTM gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên nguồn lực để hoàn thành mục tiêu NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu theo lộ trình của tỉnh.

(5) Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh; là lực lượng tiên phong trong phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; triển khai quyết liệt, có hiệu quả Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 17/7/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ

Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 282-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân. Phân đầu đến năm 2030 có 40.000 doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, đạt tỉ lệ 10,44 doanh nghiệp hoạt động/1.000 dân.

Tập trung đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường; tăng cường hỗ trợ kết nối giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài với khu vực kinh tế trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản lý và đào tạo nhân lực.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Đề án của Trung ương¹ và của tỉnh². Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực, trước hết là trong sản xuất, kinh doanh, y tế, giáo dục, môi trường, quản lý nhà nước và xã hội. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, công nghệ số, cơ sở dữ liệu lớn; chú trọng đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao; sớm nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện khu công nghệ cao, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; phân đầu Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hằng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

(7) Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Tập trung đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực, phẩm chất, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm; huy động các nguồn lực đầu tư cơ

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

² Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nhiệm vụ tại Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo dạy và học các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu cả nước. Chú trọng công tác định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh ngay từ bậc học phổ thông.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; khuyến khích xây dựng các cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu vực phát triển của tỉnh. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, Nhân dân quan tâm.

(8) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo cơ sở thúc đẩy kết nối các vùng, miền, các trung tâm kinh tế động lực, là một trong những khâu đột phá của giai đoạn 2026 - 2030. Tập trung bố trí vốn để tiếp tục đầu tư các dự án giao thông lớn, trọng điểm, như: đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ ven biển đoạn qua Thanh Hóa, các tuyến đường kết nối các tuyến giao thông trục chính của tỉnh với các nút giao cao tốc Bắc - Nam phía Đông. Nghiên cứu phương án, huy động vốn đầu tư xây dựng mới các tuyến đường kết nối liên xã, liên vùng, kết nối giữa Thanh Hóa với các tỉnh khu vực Tây Bắc, nước CHDCND Lào. Đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Thọ Xuân, phấn đấu đến năm 2030 trở thành cảng hàng không quốc tế.

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, mở rộng đường giao thông nông thôn và hệ thống cầu dân sinh ở khu vực miền núi; nghiên cứu quy hoạch, xây dựng dự án đầu tư các tuyến giao thông kết nối để kịp thời phát huy hiệu quả đường sắt tốc độ cao qua địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng cảng tổng hợp, cảng container, cảng chuyên dùng và nạo vét luồng tàu vào cảng để sớm hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn và các cảng biển theo quy hoạch. Rà soát, lập quy hoạch Đảo Mê theo hướng kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nghiên cứu, đề xuất quy hoạch cảng tổng hợp tại khu vực Đảo Mê.

Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang triển khai và xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín, kinh nghiệm để đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch. Phấn đấu đến năm 2030 lấp đầy các khu công nghiệp đang thực hiện đầu tư; có ít nhất 30 cụm công nghiệp đi vào hoạt động và đạt tỉ lệ lấp đầy 70% diện tích trở lên.

Phát triển hệ thống hạ tầng điện bảo đảm nguồn cung cấp điện đầy đủ, liên tục, an toàn, hiệu quả. Tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án nguồn điện đã được quy hoạch, trọng tâm là các dự án: Nhiệt điện LNG Nghi Sơn, Điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai dự án Điện khí LNG Công Thanh; khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ; phân đấu Thanh Hóa trở thành trung tâm năng lượng của cả nước.

Tập trung xây dựng, phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; quan tâm đầu tư hạ tầng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nghiên cứu, ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp; đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn thông tin mạng; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data).

Triển khai các thủ tục để đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn. Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, các di tích lịch sử - văn hóa, các bệnh viện tuyến tỉnh và một số bệnh viện đa khoa khu vực.

(9) Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Thúc đẩy công nghiệp văn hóa; thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; Đề án Quốc tế hóa bản sắc văn hóa dân tộc và dân tộc hóa tinh hoa văn hóa thế giới. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có đổi mới chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, nhất là đối với người có công, người cao tuổi, trẻ em, bình đẳng giới, người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chương trình, chính sách về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 72-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển sau khi được ban hành.

(10) Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản quan trọng; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải. Đầu tư xây dựng các trạm quan trắc khí tượng thủy văn để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

(11) củng cố, kiện toàn, xây dựng lực lượng vũ trang, dự bị động viên,

dân quân tự vệ đảm bảo về số lượng và chất lượng, phù hợp với mô hình tổ chức mới; tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc phức tạp ngay tại cơ sở, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho Nhân dân.

(12) Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tham gia vào quá trình hội nhập, thụ hưởng các lợi ích từ hội nhập. Duy trì, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác và thực hiện tốt các thỏa thuận hợp tác đã ký với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các nhà đầu tư, tổ chức quốc tế. Tiếp tục thiết lập quan hệ hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và các địa phương trong cả nước trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, thiết thực, hiệu quả, cùng có lợi.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công thực hiện

1.1. Sở Tài chính

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.

1.2. Thống kê tỉnh cung cấp đầy đủ số liệu về chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn và các số liệu thống kê khác giai đoạn 2021 - 2024; phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, địa phương rà soát, ước thực hiện năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025, làm cơ sở tính toán, xác định các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

1.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của ngành, địa phương mình quản lý.

2. Tiến độ xây dựng

- Trước ngày 05/11/2025, Sở Tài chính căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 16684/BTC-NSNN ngày 24/10/2025 và Chỉ thị này, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

- Trước ngày 10/11/2025, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của ngành, địa phương mình quản lý, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

- Trước ngày 15/11/2025, Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng dự thảo lần 1 Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của cả tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, gửi Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b mục III.2 Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Từ ngày 15/11/2025 đến ngày 15/12/2025, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp.

- Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Sở Tài chính chủ trì, hoàn thiện dự thảo lần 02 Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh; tổ chức lấy ý kiến tham gia của cơ quan nghiên cứu, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học... để tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo, báo cáo UBND tỉnh trong Quý I năm 2026.

- Sau khi Quốc hội khóa XVI quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 của cả nước, Sở Tài chính hoàn thiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, THĐT. (865.2025)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Anh